

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 - VĨNH LONG Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 233/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2026
V/v tranh chấp ly hôn, con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Lâm
- Bà Nguyễn Thị Bé Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 -Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 về việc: “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Mai Trương Hoàng N**, sinh năm 1991 “có mặt”

2. Bị đơn: Chị **Cao Ngọc Đ**, sinh năm 1992 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ cư trú: **ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/3/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Mai Trương Hoàng N** trình bày: anh và chị **Cao Ngọc Đ** quen biết đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã H**, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 06/01/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng sống và làm việc ở xã Hòa Bình, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau, không còn quan tâm chia sẻ với nhau, gia đình 02 bên nhiều lần đứng ra hòa giải nhưng không đạt kết quả tốt, vợ đã dẫn con đi ra ngoài sống, anh không liên lạc được. Vợ chồng ly thân từ tháng 06/2024 đến nay. Xét thấy tình cảm

vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên anh yêu cầu ly hôn với chị **Cao Ngọc Đ**. Về con chung: anh và chị **Cao Ngọc Đ** có 02 con chung tên **Mai Hoàng Hữu H**, sinh ngày 19/8/2020 và **Mai Hoàng Hữu H1**, sinh ngày 11/02/2023 hiện đang sống với chị **Đ**. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi **Mai Hoàng Hữu H**, không yêu cầu chị **Cao Ngọc Đ** cấp dưỡng nuôi con. Riêng **Mai Hoàng Hữu H1** để chị **Đ** nuôi, anh không cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/3/2026 bị đơn chị **Cao Ngọc Đ** trình bày: Chị và anh **Mai Trương Hoàng N** kết hôn năm 2019 nhưng đến năm 2020 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình bên chồng tại ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình chung sống lúc đầu có hạnh phúc nhưng sau một năm anh **N** ăn chơi không chịu làm ăn, cờ bạc, hành hung vợ con nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Khoảng tháng 5 năm 2024 do không chịu nổi, chị đã dẫn 02 con bỏ đi cho đến nay. Theo yêu cầu ly hôn của anh **N** thì chị đồng ý. Về con chung có 02 con chung như anh **N** trình bày. Theo yêu cầu của anh **N** được nuôi **Mai Hoàng Hữu H** thì chị không đồng ý mà chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, chị không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con. Lý do chị không đồng ý để anh **N** nuôi con là từ khi ly thân đến nay chị là người trực tiếp nuôi con, 02 con phát triển bình thường và đang đi học mẫu giáo. Chị đủ điều kiện nuôi con, hiện tại chị đang làm nghề Spa (chăm sóc sức khỏe và sắc đẹp) và quản lý 01 trường mầm non, thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000đồng. Hiện tại anh **N** không có thu nhập, không đủ điều kiện nuôi con và anh **N** không có nghề nghiệp. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn anh **Mai Trương Hoàng N** trình bày: Vẫn giữ yêu cầu ly hôn với chị **Cao Ngọc Đ**, về con chung anh đồng ý để chị **Cao Ngọc Đ** nuôi 02 con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con, tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Anh **Mai Trương Hoàng N** khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị **Cao Ngọc Đ**, có địa chỉ ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

[1.2.] Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn chị **Cao Ngọc Đ** đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh **Mai Trương Hoàng N** và chị **Cao Ngọc Đ** kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số: 01 ngày 06/01/2020 và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của anh **Mai Trương Hoàng N** và chị **Cao Ngọc Đ** đều cho rằng trong quá trình chung sống thì thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Hiện tại anh **N** và chị **Đ** không còn tình cảm, cuộc sống không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt nên anh **N** yêu cầu ly hôn với chị **Đ**, chị **Đ** cũng đồng ý theo yêu cầu của anh **N**. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh **Mai Trương Hoàng N** là phù hợp quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Mai Hoàng Hữu H**, sinh ngày 19/8/2020 và **Mai Hoàng Hữu H1**, sinh ngày 11/02/2023 hiện đang sống với chị **Đ**. Chị **Đ** yêu cầu được nuôi 02 con chung không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy con chung từ ly vợ chồng không còn sống chung với nhau thì con chung sống với chị **Đ** cũng có tình cảm gắn bó, cuộc sống cũng đảm bảo, hai con chung cũng được đi học mầm non. Chị **Đ** cũng có xác nhận của trường, có xác nhận mức thu nhập của Công ty chị **Đ** đang làm. Tại phiên tòa anh **N** đồng ý để con chung cho chị **Đ** tiếp tục nuôi. Do đó tiếp tục giao hai con chung cho chị **Đ** nuôi là phù hợp Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về quan hệ cấp dưỡng nuôi con: Chị **Đ** trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: anh **Mai Trương Hoàng N** và chị **Cao Ngọc Đ** không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được khởi kiện, giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: anh **Mai Trương Hoàng N** có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Mai Trương Hoàng N.**

1. Về hôn nhân:

Xử cho anh **M Trương Hoàng N** được ly hôn với chị **Cao Ngọc Đ.**

2. Về con chung:

Giao 02 con chung tên **Mai Hoàng Hữu H**, sinh ngày 19/8/2020 và **Mai Hoàng Hữu H1**, sinh ngày 11/02/2023 cho chị **Cao Ngọc Đ** tiếp tục nuôi dưỡng. Anh **Mai Trương Hoàng N** không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh **Mai Trương Hoàng N** có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh **Mai Trương Hoàng N** đã nộp theo biên lai thu số 0004915 ngày 19/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS nhân dân khu vực 4 –Vĩnh Long;
- Phòng THA dân sự khu vực 4 –Vĩnh Long;
- Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Hoàng Phong

